

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi¹: Hội đồng thẩm định sáng kiến Trường trung học cơ sở Nguyễn Du, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

1. Tôi ghi tên dưới đây:

Số TT	Họ- và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến (ghi rõ đối với từng đồng tác giả, nếu có)
1	Trần Thị Mỹ Thảo	21/11/1989	THCS Nguyễn Du	Giáo viên	Đại học sư phạm	100%

2. Là tác giả (nhóm tác giả) đề nghị xét công nhận sáng kiến: **Sử dụng sơ đồ tư duy nhằm phát huy tính tích cực học tập của học sinh, góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy môn Ngữ văn 8 trường THCS Nguyễn Du, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.**

3. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến (trường hợp tác giả không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến):

4. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Giáo dục

5. Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử, (ghi ngày nào sớm hơn): Ngày 01 tháng 10 năm 2023

6. Mô tả bản chất của sáng kiến:

6.1. Tình trạng của giải pháp đã biết:

a) Mô tả đầy đủ, chi tiết tình trạng kỹ thuật hoặc phương pháp tổ chức sản xuất, công tác, tác nghiệp hiện tại (thường làm) trước khi thực hiện những giải pháp mới (mô tả chi tiết các bước/quy trình thực hiện nhiệm vụ).

¹ Tên cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến.

Ngữ văn là một môn khoa học thuộc lĩnh vực xã hội. Nó rèn luyện tư duy ngôn ngữ và năng lực thẩm mỹ cho chúng ta, nhưng nhiều người lầm tưởng nó không có tính ứng dụng trong cuộc sống. Chính vì thế nó không được đón nhận nồng nhiệt như các môn khoa học khác, làm cho việc dạy và học môn Ngữ văn hiện nay ngày một mất vị thế. Trong đó có học sinh khối 8 ở trường THCS Nguyễn Du. Đa số học sinh cảm thấy việc học văn thật nhàm chán và mất thời gian. Các em không có hứng thú, không say mê do khối lượng kiến thức nhiều, số lượng chữ viết dài trải nhiều trang giấy. Học sinh không biết tóm gọn nội dung nên dẫn đến các vấn đề như:

Khả năng ghi nhớ kiến thức: Các em nhớ kiến thức chưa tốt. Trong mỗi bài, trên lớp các em ghi chép kiến thức như thế nào thì về nhà các em sẽ học theo đúng trình tự đó.

Về khả năng trình bày: Chưa ổn, khi học sinh dùng lời để tạo lập một văn bản, thì các em bị những lỗi sai cơ bản như: về bố cục không rõ ràng, lời văn lủng củng, thiếu lô-gic. Có những bài văn diễn đạt ngô nghê, tối nghĩa.

Thái độ học tập: Học sinh e ngại, thụ động đối với môn Ngữ văn. Mặt khác, chính vì môn Ngữ văn 8 có khối lượng kiến thức nhiều, các em phải nhớ, phải tổng hợp hay phân tích nhiều vấn đề. Tâm lí nặng nề nên nhiều em học sinh thấy học văn là một công việc nặng nhọc, mệt mỏi, khó khăn. Đôi khi giờ học văn đối với các em thật vất vả.

Chính các vấn đề trên đã làm cho chất lượng bộ môn Ngữ văn 8 đạt kết quả chưa cao. Nó được thể hiện rõ qua kết quả thống kê kiểm tra giữa kì I năm học 2023-2024:

Lớp	Số số	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
8A1	38	4	10.5	12	31,6	19	50	3	7.9
8A2	37	3	8.1	13	35.2	16	43.2	5	13.5
Tổng	75	7	9,3	25	33,3	35	46,7	8	10,7

Qua việc tìm hiểu và đã từng vận dụng kĩ thuật dạy học bằng sơ đồ tư duy trong bộ môn Ngữ văn, tôi nhận thấy kĩ thuật dạy học này rất có hiệu quả trong công tác giảng dạy và học tập của học sinh. Bước đầu đã giúp các em giảm bớt được tâm lý ngại học văn, khơi gợi trong học sinh tình yêu đối với môn học, đồng thời đem đến cho các em cái nhìn mới, tư duy mới về môn học Ngữ văn. Chính vì thực trạng trên mà tôi đã chọn đề tài “**Sử dụng sơ đồ tư duy nhằm phát huy tính tích cực học tập của học sinh, góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy môn Ngữ văn 8 trường THCS Nguyễn Du, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp**”.

b) *Nêu, phân tích rõ những ưu, nhược điểm, thuận lợi, khó khăn của giải pháp kỹ thuật hoặc giải pháp tổ chức sản xuất, công tác, tác nghiệp hiện đang được áp dụng tại cơ quan, đơn vị hoặc trong lĩnh vực công tác mình đảm nhiệm và phân tích nguyên nhân dẫn đến tình hình đó.*

***Giáo viên:**

- Khách quan: Do điều kiện khách quan nên việc sử dụng đồ dùng dạy học, phương pháp trực quan đưa vào tiết học còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc tiếp thu bài của học sinh.

- Chủ quan:

+ Giáo viên còn nặng về phương pháp dạy học cũ, chỉ tập trung vào cách thức ghi chép truyền thống.

+ Cách thức trình bày bài giảng còn khô khan, thiếu sinh động, hấp dẫn, chưa lôi cuốn học sinh vào việc học văn.

+ Một số giáo viên chưa thực sự tâm huyết với nghề, chưa khơi gợi được mạch nguồn cảm xúc ẩn sau mỗi trái tim người học.

***Học sinh:**

- Khách quan: Do nhu cầu nhân lực của nền kinh tế - xã hội, do tâm lý của học sinh trong việc chọn ngành nghề cho mình có thu nhập cao, nên học sinh chọn học khối A, B. Cho nên số học sinh yêu thích môn Ngữ văn ngày càng thu hẹp dần.

- Chủ quan:

+ Ý thức học tập của các em ngày một kém. Các em không quan tâm đến việc học chỉ thích bấm game, mê điện thoại,... vào lớp các em không tập trung chú ý.

+ Khối lượng kiến thức Ngữ văn nhiều, áp lực khi phải học bài.

6.2. *Nội dung của giải pháp đề nghị công nhận là sáng kiến: (Nêu rõ các nội dung sau)*

a) Mục đích của giải pháp;

- Sử dụng giải pháp trên sẽ giúp học sinh khối 8 học văn tốt hơn, giúp cho các em biết cách hệ thống hóa kiến thức một cách dễ dàng, biết cách giao tiếp, tạo hứng thú cho các em trong giờ học văn để nâng cao hiệu học tập của các em.

- Đa dạng hơn các phương pháp và kỹ thuật dạy học.

- Thực hiện Chương trình GDPT 2018 hiệu quả.

b) Tính mới của giải pháp (đối với giải pháp mới hoàn toàn) hoặc những điểm khác biệt, tính mới của các giải pháp so với các giải pháp đã biết (đối với các giải pháp có sự cải tiến đối với các giải pháp đã có).

b.1. Dùng sơ đồ tư duy để dạy bài mới:

Giáo viên đưa ra một từ khoá để nêu kiến thức của bài mới rồi yêu cầu học sinh vẽ sơ đồ tư duy bằng cách đặt câu hỏi, gợi ý cho các em để các em tìm ra các từ liên quan đến từ khoá đó và hoàn thiện sơ đồ tư duy. Qua sơ đồ tư duy đó học sinh sẽ nắm được kiến thức bài học một cách dễ dàng.

Ví dụ 1: Với Bài 2: “*Những bí ẩn của thế giới tự nhiên*” sách giáo khoa trang 30, phần tri thức Ngữ văn, giáo viên ghi từ khóa “*Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên*” lên trung tâm sau đó giáo viên đặt câu hỏi dẫn dắt học sinh cùng tìm hiểu, khám phá kiến thức mới:

Câu hỏi tạo nhánh cấp 1 thứ nhất: “*Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên?*”. Lúc này, giáo viên gọi học sinh lên vẽ nhánh cấp 1, với câu hỏi: “*Văn bản thông tin giải thích về một hiện tượng tự nhiên gồm những đặc điểm nào?*”

Học sinh trả lời:

- Cấu trúc
- Cách sử dụng ngôn ngữ.
- Cách trình bày.

Sau khi học sinh hoàn thành nhánh cấp 1, giáo viên gọi tiếp học sinh lên vẽ nhánh cấp 2 sinh ra từ nhánh cấp 1 thứ nhất, để minh họa cho từng nội dung cụ thể. Cấu trúc gồm những phần nào cụ thể có 3 nhánh cấp 2 phát sinh từ nhánh cấp 1 thứ nhất ở phần nội dung cấu trúc (Phần mở đầu, phần nội dung, phần kết thúc).

Tương tự, giáo viên đặt hệ thống câu hỏi dẫn dắt học sinh tìm hiểu đến nhánh cấp 1 thứ 3.



Sơ đồ tư duy thể hiện phần tri thức Ngữ văn: Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.

b.2. Dùng sơ đồ tư duy để luyện tập củng cố kiến thức sau mỗi tiết học, mỗi bài học:

Sau mỗi bài học, giáo viên hướng dẫn, gợi ý để học sinh tự hệ thống kiến thức trọng tâm, kiến thức cần nhớ của bài học bằng cách vẽ sơ đồ tư duy. Mỗi bài học có thể vẽ một sơ đồ tư duy để hệ thống hóa kiến thức. Việc làm này sẽ giúp các em dễ học bài, dễ ôn tập, dễ xem lại kiến thức khi cần một cách nhanh chóng, dễ dàng.

Ví dụ : Khi dạy bài 1 “*Những gương mặt thân quen*” sách giáo khoa trang 10, ở văn bản 1: “*Trong lời mẹ hát*” của Trương Nam Hương, cuối giờ giáo viên cho từ khoá “*Trong lời mẹ hát*” rồi yêu cầu học sinh tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy. Sau khi học sinh làm xong, giáo viên cho một số em lên trình bày trước lớp để các học sinh khác nhận xét, rồi giáo viên mời các học sinh khác lên nhận xét sản phẩm và phần trình bày của bạn, sau đó giáo viên kết luận. Những học sinh làm tốt, giáo viên có thể ghi nhận bằng điểm số. Qua đó giúp các em tự chiếm lĩnh kiến thức một cách nhẹ nhàng, tự nhiên nhưng rất hiệu quả.



Sơ đồ tư duy văn bản “Trong lời mẹ hát”

b.3. Dùng sơ đồ tư duy để hỗ trợ việc học sinh tự học:

Hiện nay theo chương trình mới, các em học sinh không phải học thuộc lòng các đơn vị kiến thức đã học ở trường rồi lên trình bày suông cho thầy cô như ngày xưa. Mà các em phải thật sự hiểu bài, biết vận dụng kiến thức mình đã lĩnh hội. Vì vậy mà tính tự học của các em phải rất cao, kết hợp với cách học phù hợp để giúp cho các em mau thuộc bài và nhớ lâu. Đây là vấn đề nan giải của các em. Để hóa giải vấn đề này thì sơ đồ tư duy là một trong những giải pháp hữu hiệu giúp học sinh:

- Tự hệ thống hóa kiến thức của bài để học bài mau hơn.

Ví dụ như: Khi học bài 3 “*Sự sống thiêng liêng*” ở phần viết “*Viết văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống*” ở phần hướng dẫn quy trình viết, thì học sinh sử dụng sơ đồ tư duy để hệ thống hóa kiến thức mình đã học. Sơ đồ này giúp các em học bài rất mau thuộc, dễ nhớ bài, kiến thức được khắc sâu, nhớ bài được lâu hơn.



Học sinh lớp 8A1 vẽ sơ đồ tư duy trong quá trình học bài ở nhà.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ của giáo viên giao về nhà.

Ví dụ như bài 4 “Sắc thái tiếng cười” phân tri thức Ngữ văn giáo viên giao nhiệm vụ về nhà cho các em tìm hiểu và thể hiện phân tri thức Ngữ văn về truyện cười bằng sơ đồ tư duy.



Sản phẩm của học sinh thực hiện nhiệm vụ về nhà

c) Ưu, nhược, điểm của giải pháp mới: Trình bày rõ những ưu điểm và nhược điểm (nếu có) của giải pháp mới.

Ưu điểm: Học sinh học tập một cách chủ động, sáng tạo trong giờ học môn Ngữ văn. Các em không bị gò bó bởi không gian, thời gian, không bị áp lực ở giáo viên. Các em tự do sáng tạo bằng khả năng của mình, các em biết cách dung lời văn của mình để trình bày. Các em biết cách giao tiếp và nhận xét lẫn nhau từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân. Đặc biệt các em học bài rất nhanh và nhớ lâu. Giờ học văn không còn nhàm

chán, thụ động mà các em rất thoải mái, tự tin, tự mình rút ra được kiến thức.

7. Khả năng và phạm vi áp dụng của giải pháp:

Bất kể giáo viên nào cũng có thể thực hiện những giải pháp trên, không chỉ ở khối lớp 6 trường THCS Nguyễn Du mà còn có thể thực hiện ở nhiều khối lớp khác, không chỉ ở môn văn mà có thể thực hiện ở các môn khác hoặc trường khác có cùng điều kiện về cơ sở vật chất, cùng điều kiện đặc thù.

8. Hiệu quả, lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng giải pháp: theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã áp dụng sáng kiến (nếu có); và theo ý kiến của tác giả sáng kiến:

Qua thời gian áp dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy trong dạy học, bước đầu đã nhận được những kết quả khả quan:

- Cách học tập:

+ *Thái độ*: Các em nghiêm túc, có trách nhiệm với việc học. Cùng nhau tham gia xây dựng bài một cách hào hứng khi các em tự tạo ra sản phẩm của mình. Các em tiếp thu bài một cách chủ động, tích cực.

+ *Về khả năng ghi chép và ghi nhớ bài học*: Các em biết cách sử dụng bản đồ tư duy để ghi chép bài học, tổng hợp kiến thức môn học. Vận dụng thành thạo các thao tác trong việc hệ thống kiến thức đã học, học sinh có được phương pháp học hiệu quả. Khả năng ghi nhớ của các em tốt hơn rất nhiều, các em không còn học theo hình thức máy móc, học trước quên sau mà kiến thức các em nhớ kĩ và sâu, tiết kiệm được thời gian

+ *Về khả năng trình bày*: Các em có thể dùng ngôn ngữ nói của mình để tự phân tích hoặc tổng hợp kiến thức. Các em tự tin, mạnh dạn tạo lập hoặc trình bày một văn bản nói có tính lô-gic, mạch lạc. Lời văn có sự trau chuốt, rõ ràng, dễ hiểu.

- Kết quả học tập: *Chất lượng bộ môn*: Việc áp dụng sơ đồ tư duy trong dạy học đã góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn, thể hiện ở kết quả thống kê kiểm tra cuối học kì I năm học 2023-2024 như sau:

Lớp	Số số	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
8A1	38	14	36,8	21	55,3	3	7,9	0	0
8A2	37	7	18,9	21	56,8	9	24,3	0	0
Tổng	75	21	28	42	56	12	16	0	0

Từ các số liệu trên, ta thấy kết quả học tập của học sinh có sự tiến bộ rõ rệt, chuyển từ chưa đạt và đạt lên tốt và khá rõ rệt. Loại Tốt tăng 14 học sinh tăng tỉ

lệ 18,7%, Khá tăng 17 học sinh tăng 22,7%, Đạt giảm 21 học sinh, đặc biệt không còn loại Chưa đạt.

Như vậy, trên thực tế có rất nhiều bài, giáo viên có thể sử dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy để cung cấp kiến thức mới. Hoặc củng cố lại kiến thức cho học sinh. Giáo viên biết cách đặt vấn đề, dẫn dắt, hướng dẫn để học sinh phát huy khả năng sáng tạo, tư duy lô-gic của mình, trong quá trình chủ động chiếm lĩnh tri thức.

9. Những thông tin cần được bảo mật (nếu có):

10. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:

- Đối với nhà trường: Cần hỗ trợ giấy A0, giấy rôki, màu vẽ, viết chì,...cho học sinh.

- Đối với giáo viên: Không riêng gì kỹ thuật dạy học nêu trên mà nhiều phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học khác đòi hỏi giáo viên phải chủ động thực hiện thường xuyên. Cũng như giáo viên phải chủ động tổ chức hoạt động học tập cho học sinh. Từ đó, việc thực hiện Chương trình GDPT 2018 mới hiệu quả, mới đúng theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

11. Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả:

Phù hợp với tiến trình dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Mang lại hiệu quả cao trong việc thực hiện Chương trình GDPT 2018.

Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu, kể cả áp dụng thử (nếu có).

13. Danh sách những người đã tham gia áp dụng thử hoặc áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có):

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nội dung công việc hỗ trợ

Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Tân Hồng, ngày 03 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI NỘP ĐƠN



Trần Thị Mỹ Thảo